

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc thông qua Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2024

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH
KHÓA XIV - KỲ HỌP THỨ 12**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Xét Tờ trình số 5966/TTr-UBND ngày 22 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh; Báo cáo thẩm tra số 182/BC-HĐND ngày 02 tháng 12 năm 2022 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng Nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận, thống nhất của đại biểu Hội đồng Nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh thông qua tại Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019, cụ thể:

1. Bổ sung mới 120 vị trí giá đất tại các huyện, thị xã, thành phố: Bình Liêu, Hải Hà, Đầm Hà, Vân Đồn, Cô Tô, Quảng Yên, Hạ Long, Uông Bí và Móng Cái;
2. Điều chỉnh mức giá đất tại 07 vị trí tại huyện Vân Đồn;
3. Sửa đổi tên 60 vị trí giá đất giữ nguyên mức giá đất tại các huyện, thị xã, thành phố: Hải Hà, Đầm Hà, Vân Đồn, Cô Tô, Quảng Yên và Hạ Long;
4. Hủy bỏ 12 vị trí giá đất hiện có tại các huyện, thị xã: Vân Đồn và Quảng Yên.

(Chi tiết các vị trí tại Phụ biểu kèm theo)

Điều 2. Các nội dung khác không sửa đổi giữ nguyên theo Bảng giá đất được ban hành kèm theo Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2019 và Nghị quyết số 242/2020/NQ-HĐND ngày 31 tháng 3 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

Điều 3. Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, đồng thời:

a) Ủy ban nhân dân tỉnh và Thủ trưởng các sở, ngành liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm về số liệu khảo sát, tính pháp lý, hợp pháp, chính xác của hồ sơ, tài liệu, các số liệu đề xuất từng vị trí giá đất sửa đổi, bổ sung; báo cáo thẩm định trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tiếp tục kiểm tra, rà soát việc đề xuất mức giá đất, tên gọi các vị trí giá đất trước khi quyết định ban hành đảm bảo nguyên tắc, phương pháp định giá đất, có sự tương đồng, phù hợp với các vị trí, khu vực lân cận và đảm bảo tính ổn định của bảng giá. Chỉ đạo các sở, ngành, địa phương có trách nhiệm đôn đốc các chủ đầu tư hạ tầng các khu quy hoạch, khu đô thị hoàn thành việc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất; chỉ thực hiện các thủ tục về đất đai khi dự án đã hoàn thành hạ tầng và đảm bảo các điều kiện về chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo quy định. Tiếp tục rà soát các vị trí đã có trong bảng giá nhưng đến nay được đầu tư nâng cấp hạ tầng tốt hơn trước, mức giá đất phổ biến trên thị trường để xây dựng điều chỉnh giá đất, đảm bảo không để thất thu ngân sách nhà nước; không để xảy ra tiêu cực lợi ích nhóm, ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của người sử dụng đất và gây khiếu kiện về giá đất khi quyết định ban hành.

2. Thường trực, các ban, các tổ và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIV, Kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2022 và có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 12 năm 2022./. *vt*

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội, Chính phủ (b/c);
- Ban CTĐB của UBND Quốc hội;
- Các bộ: TN&MT, TC;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XIV;
- Các ban xây dựng Đảng và VP Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- VP Đoàn ĐBQH & HĐND tỉnh;
- Trung tâm truyền thông tỉnh;
- Lưu: VT, NS2. *vt*

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Ký



PHỤ BIỂU

Thông qua phương án sửa đổi, bổ sung một số vị trí giá đất trong Bảng giá đất trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh thực hiện từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2024 ban hành kèm theo Nghị quyết số 225/2019/NQ-HĐND ngày 07/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh
(Kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ninh)

1. THÀNH PHỐ HẠ LONG (ĐÔ THỊ LOẠI I)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
III	PHƯỜNG HỒNG HẢI					
18	Khu TĐC Đồi Ngân Hàng trọn khu	2.100.000	1.680.000	1.260.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá đất theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 6.3 (đường nhánh từ 2m đến dưới 3m) phường Hồng Hải do có điều kiện tương đồng
V	PHƯỜNG HÀ TU					
14	Đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả (đoạn qua địa bàn phường Hà Tu)					
	- Mặt đường chính	34.200.000	27.360.000	20.520.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá đất theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
						3.2 phường Hồng Hà do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh từ 3m trở lên	4.800.000	3.840.000	2.880.000	Đường hiện trạng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 1.1 (các mục đường nhánh và khu còn lại) phường Hà Tu do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh từ 2m đến dưới 3 m	2.500.000	2.000.000	1.500.000		
	- Đường nhánh nhỏ hơn 2m	1.100.000	880.000	660.000		
	- Khu còn lại	800.000	640.000	480.000		
VI	PHƯỜNG HÀ PHONG					
8	Đường vào khu phố 4A (Tuyến đường sắt cũ không còn sử dụng từ thửa đất số 29 tờ BĐDC số 44 đến thửa đất số 20 tờ BĐDC số 22 - đo vẽ năm 2017)					Bổ sung bảng giá theo quy định
	- Mặt đường chính	1.300.000	1.040.000	780.000	Đường hiện trạng	Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2- Phường Hà Phong: Đường nhánh từ 3m trở lên, phường Hà Phong do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh trên 3m	800.000	640.000	480.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2- Phường Hà Phong: Đường nhánh từ 2m đến dưới 3m, do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh rộng từ 2 đến 3m	700.000	560.000	420.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2- Phường Hà Phong: Đường

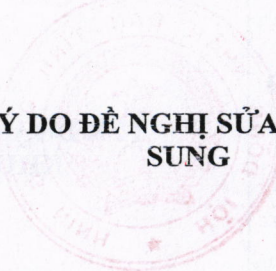
MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỎ SUNG
						nhánh nhỏ hơn 2m, do có điều kiện tương đồng
	- Khu còn lại	600.000	480.000	360.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2- Phường Hà Phong: Khu còn lại, do có điều kiện tương đồng
9	Đường bao biển nối thành phố Hạ Long với thành phố Cẩm Phả (đoạn qua địa bàn phường Hà Phong)					Bổ sung bảng giá theo quy định.
	- Mặt đường chính	34.200.000	27.360.000	20.520.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2 phường Hồng Hà do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh trên 3m	3.400.000	2.720.000	2.040.000	Đường hiện trạng	Mức giá đề xuất bằng Mục 5 Phường Hà Phong: Mặt đường chính, do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh rộng từ 2 đến 3m	1.300.000	1.040.000	780.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 5 Phường Hà Phong: Đường nhánh từ 3m trở lên, do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh nhỏ hơn 2m	800.000	640.000	480.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 5 Phường Hà Phong: Đường nhánh từ 2m đến dưới 3m, do có điều kiện tương đồng

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	- Khu còn lại	600.000	480.000	360.000		Mức giá đề xuất bằng Mục 5 Phường Hà Phong: Khu còn lại, do có điều kiện tương đồng
11	Khu nghỉ dưỡng kết hợp thương mại dịch vụ và nhà ở phường Hà Phong				Đã cơ bản đầu tư xong hạ tầng (đạt 95%)	
	- Các ô đất bám đường bao biển	34.200.000	27.360.000	20.520.000		Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 3.2 phường Hồng Hà do có điều kiện tương đồng
VIII	PHƯỜNG CAO XANH					
29	Khu đô thị mới đảo Sa Tô	8.100.000	6.480.000	4.860.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 27 phường Cao Xanh do có điều kiện tương đồng
IX	PHƯỜNG GIỀNG ĐÁY					
20	Đường kết nối từ điểm Cầu Cửa Lục 1 đến ngã ba Kênh Đồng				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 2 phường Giếng Đáy do có điều kiện tương đồng
	- Mặt đường chính	23.400.000	18.720.000	14.040.000		
	- Đường nhánh từ 3m trở lên	8.800.000	7.040.000	5.280.000		
	- Đường nhánh từ 2m đến dưới 3m	4.500.000	3.600.000	2.700.000		
	- Đường nhánh nhỏ hơn 2m	2.100.000	1.680.000	1.260.000		

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	- Khu còn lại	1.000.000	800.000	600.000		
X	PHƯỜNG BÃI CHÁY					
42	Khu dân cư Đồi truyền hình (Trộn khu)	8.800.000	7.040.000	5.280.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	- Đã chuyển chủ đầu tư, hiện chủ đầu tư mới đang thực hiện cải tạo, chỉnh trang lại hạ tầng; - Mức giá đất đề xuất bằng vị trí 37 - phường Bãi Cháy, do có điều kiện tương đồng
XIII	PHƯỜNG CAO THẮNG					
28	Khu tái định cư N8				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 24 phường Cao Thắng do có điều kiện tương đồng
	- Đường đôi trong KĐT	10.400.000	8.320.000	6.240.000		
	- Khu còn lại	7.200.000	5.760.000	4.320.000		
29	Nhóm nhà ở tại Khu đất trường Trung cấp Kinh tế - Kỹ thuật và công nghệ Hạ Long	9.900.000	7.920.000	5.940.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 9 phường Cao Thắng do có điều kiện tương đồng
XIV	PHƯỜNG HÀ LÂM					
16	Đoạn từ giáp Cao Thắng đến trước thửa 37 tờ BĐDC số 12				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 20 phường Cao Thắng do có điều kiện tương đồng
	- Mặt đường chính	5.400.000	4.320.000	3.240.000		
	- Đường nhánh từ 3m trở lên	1.800.000	1.440.000	1.080.000		

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	- Đường nhánh từ 2m đến dưới 3 m	1.400.000	1.120.000	840.000		
	- Đường nhánh nhỏ hơn 2m	1.100.000	880.000	660.000		
	- Khu còn lại	700.000	560.000	420.000		
XVII	PHƯỜNG HÀ KHÁNH					
XVIII	PHƯỜNG YẾT KIỆU					
1.1	Đoạn từ ngã 4 Loong Toòng đến ngã 3 đường Lê Lợi với đường dẫn cầu Bãi Cháy					
	- Đường nhánh từ 3m trở lên	11.200.000	8.960.000	6.720.000	Đất hiện trạng khu dân cư	Bổ sung giá các vị trí đường nhánh của Mục 1.1 phường Yết Kiêu do các đường nhánh đều là đường dốc, đi lại khó khăn. Mức giá đề xuất bằng mức giá các vị trí đường nhánh và khu còn lại của Mục 1.2 phường Yết Kiêu do có điều kiện tương đồng
	- Đường nhánh từ 2m đến dưới 3m	4.900.000	3.920.000	2.940.000		
	- Đường nhánh nhỏ hơn 2m	2.500.000	2.000.000	1.500.000		
	- Khu còn lại	1.500.000	1.200.000	900.000		
27	Khu dân cư bóm hồ điều hoà nhỏ (Từ thửa số 25 tờ BĐ số 24 đến thửa số 299 tờ 15, được đo vẽ năm 2017)	7.200.000	5.760.000	4.320.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 6 phường Yết Kiêu do có điều kiện tương đồng
28	Khu dự án: Nhóm nhà ở kết hợp dịch vụ thương mại tại phường Yết Kiêu	54.000.000	43.200.000	32.400.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 1.1 phường Yết Kiêu do có điều kiện tương đồng
XX	PHƯỜNG ĐẠI YÊN					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỎ SUNG
XXI	PHƯỜNG HOÀNH BÒ					
B. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ, GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ ĐẤT						
X	PHƯỜNG BÃI CHÁY					
5	Đường Trần Bình Trọng					
5.1	Tên mới: Đoạn từ Ngã 3 trụ sở Công an phòng cháy chữa cháy đến hết khu tự xây Ao Cá					- Tên cũ: Đoạn từ đường 18A đến hết khu tự xây Ao Cá - Lý do điều chỉnh: Cho phù hợp với hiện trạng
XI	PHƯỜNG HÀ KHẨU					
11	Tên mới: Thửa đất số 28, 29 tờ bản đồ số 36 và thửa đất số 14, 15, 16, 17, 18, 26, 32, 33, 34, 37, 44, 45 tờ bản đồ số 37 hợp tác xã An Tiêm tại phường Hà Khẩu	3.600.000	2.880.000	2.160.000		- Tên cũ: Khu tái định cư tự xây phía tây TP Hạ Long tại khu 3 Hà Khẩu (Gần Xí nghiệp Giếng Dáy 2) - Lý do điều chỉnh: Đổi tên dự án theo Quyết định phê duyệt Quy hoạch số 1449/QĐ-UBND ngày 08/9/2010.
XXI	PHƯỜNG HOÀNH BÒ					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	 LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
4.8	Tên mới: Kế tiếp sau cầu ngầm Suối Váo theo đường khu 9 đến đường Trần thủy lợi suối Váo: (1) các hộ có đất ở sau đường Trần thủy lợi rẽ về phía bên phải (từ thửa 21 tờ BĐ số 47) đến giáp trục đường Cầu Cháy - Đồng Đăng; (2) các hộ có đất ở sau đường Trần thủy lợi rẽ về phía bên trái (từ thửa 07 tờ BĐ số 55) đi qua gầm cầu Cao tốc, tính cho cả 2 bên đường, đến hết thửa số 11 tờ BĐ số 53 (bên phải) và thửa số 15 tờ BĐ số 53 (bên trái).					- Tên cũ: Kế tiếp sau cầu ngầm Suối Váo theo đường khu 9 đến đường Trần thủy lợi suối Váo, các hộ có đất ở sau đường Trần thủy lợi đến giáp trục đường Cầu Cháy - Đồng Đăng - Lý do điều chỉnh: Cho phù hợp với hiện trạng.

2. THÀNH PHỐ UÔNG BÍ (ĐÔ THỊ LOẠI II)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
V	PHƯỜNG YÊN THANH					
27	Khu đô thị trung tâm phường Yên Thanh (do Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Việt Long làm chủ đầu tư)				Cơ bản thực hiện đầu tư xong cơ sở hạ tầng (Đạt 98%)	Bổ sung bảng giá theo quy định. Đồng thời để giải quyết đơn thư kiến nghị của các hộ dân có đất ở hiện trạng bóm mặt đường đôi Khu đô thị được hưởng lợi sau khi khu đô thị được đầu tư cơ sở hạ tầng xong. Hiện nay, các hộ dân này không làm được thủ tục mua bán đất vì chưa có vị trí trong bảng giá. Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
27.1	Các vị trí bóm đường gom của đường Quốc lộ 18 A mới	12.500.000	10.000.000	7.500.000		
27.2	Các vị trí bóm mặt đường đôi	10.000.000	8.000.000	6.000.000		
27.3	Các vị trí bóm mặt đường mặt đường rộng trên 5 m	7.000.000	5.600.000	4.200.000		
27.4	Các vị trí đất biệt thự nhà vườn	6.000.000	4.800.000	3.600.000		
28	Khu dân cư hai bên đường Trần Hưng Đạo kéo dài				Đang thực hiện đầu tư hạ	Bổ sung bảng giá theo quy định, để phục vụ làm giá giao

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
28.1	Các vị trí bảm đường gom của đường Quốc lộ 18 A mới	12.500.000	10.000.000	7.500.000	tăng (Đạt 90%), dự kiến xong trong năm 2022	đất tái định cư, giá đầu giá QSDĐ. Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường.
28.2	Các vị trí bảm đường gom của đường Trần Hưng Đạo kéo dài	11.200.000	8.960.000	6.720.000		
28.3	Các vị trí bảm mặt đường mặt đường rộng trên 5 m	7.000.000	5.600.000	4.200.000		

3. THÀNH PHỐ MÓNG CÁI (ĐÔ THỊ LOẠI II)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	PHƯỜNG TRẦN PHÚ					
33	Khu dân cư Bắc Đại lộ Hòa Bình (thuộc ô đất từ D01 đến D04)	15.500.000	12.400.000	9.300.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chưa có quy định trong Bảng giá đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 4.9 - Phường Hải Hòa - Các khu vực còn lại thuộc lô quy hoạch Bắc Đại lộ Hòa Bình do có điều kiện tương đồng
II	PHƯỜNG HÒA LẠC					
30	Khu nhà ở gia đình của Quân khu 3					
30.1	Các ô đất tám đường gom Đại lộ Hòa Bình	20.000.000	16.000.000	12.000.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chưa có quy định trong Bảng giá đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 1 - Phường Hòa Lạc - Đường Đại lộ Hòa Bình từ giáp đường Hùng

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
						Vương đến chân cầu Hòa Bình do có điều kiện tương đồng
30.2	Các ô đất còn lại của dự án	12.000.000	9.600.000	7.200.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, chưa có quy định trong Bảng giá đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 13.1 - Phường Hòa Lạc - Đường Đào Phúc Lộc từ giáp thành đội đến giáp đường Hùng Vương do có điều kiện tương đồng
III	PHƯỜNG KA LONG					
39	Điểm quy hoạch đất ở tại Khu 7	5.700.000	4.560.000	3.420.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Bổ sung bảng giá theo quy định để thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 35 - Phường Ka Long - Các ô đất còn lại thuộc lô 21 Khu tự xây Ka Long do có điều kiện tương đồng
VI	PHƯỜNG HẢI YÊN					
20	Khu dân cư đô thị tại Km3, Km4 (giai đoạn 1)					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
20.1	Các ô đất bóm đường rộng 7,5m	6.800.000	5.440.000	4.080.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bổ sung bảng giá theo quy định để thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 14.2.4 - Phường Hải Yên do có điều kiện tương đồng
20.2	Các ô đất bóm đường rộng 10,5m	7.500.000	6.000.000	4.500.000	Đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật	- Dự án đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, bổ sung bảng giá theo quy định để thực hiện các thủ tục về cấp giấy chứng nhận, chuyển nhượng quyền sử dụng đất. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 14.2.5 - Phường Hải Yên do có điều kiện tương đồng

5. THỊ XÃ QUẢNG YÊN (ĐÔ THỊ LOẠI IV-V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	PHƯỜNG QUẢNG YÊN - ĐÔ THỊ LOẠI IV					
32	Tuyến đường nối đường tỉnh 331b với đường tỉnh 338	6.000.000	4.800.000	3.600.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 1.1.1 phường Cộng Hòa do có điều kiện tương đồng
33	Dự án đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải	6.500.000	5.200.000	3.900.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 24.3 phường Quảng Yên do có điều kiện tương đồng
IV	PHƯỜNG CỘNG HÒA - ĐÔ THỊ LOẠI V					
VII	PHƯỜNG TÂN AN - ĐÔ THỊ LOẠI V					
I	Trục đường thị xã:					
4	Khu Quy hoạch Thống Nhất 3 Tân An	4.000.000	3.200.000	2.400.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 3-I phường Tân An do có điều kiện tương đồng

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
IX	PHƯỜNG YÊN HẢI - ĐÔ THỊ LOẠI V					
2.5	Đoạn từ nhà bà Dương Thị Pho đến hết nhà ông Vũ Nhật Hợi				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 2.1 phường Yên Hải do có điều kiện tương đồng
	Thửa đất bám mặt đường phố chính (vị trí 1)	1.000.000	800.000	600.000		
	Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường nhánh từ đường phố chính có mặt đường rộng từ 3m trở lên	600.000	480.000	360.000		
	Thửa đất liền kề sau vị trí 2 (vị trí 3) hoặc vị trí 1 có lối đi rộng từ 2m đến nhỏ hơn 3m	400.000	320.000	240.000		
	Các vị trí còn lại	250.000	200.000	150.000		
X	PHƯỜNG PHONG CỐC - ĐÔ THỊ LOẠI V					
II	Trục đường khu, liên khu:					
8	Khu trung tâm dân cư chợ Đìa Cốc				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung thêm các vị trí vào bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 7.2-II phường Phong Cốc do có điều kiện tương đồng
	Thửa đất liền kề sau vị trí 2 (vị trí 3) hoặc vị trí 1 có lối đi rộng từ 2m đến nhỏ hơn 3m	2.000.000	1.600.000	1.200.000		
	Các vị trí còn lại	600.000	480.000	360.000		
XI	PHƯỜNG PHONG HẢI - ĐÔ THỊ LOẠI V					
II	Đường liên khu					
1.1	Đoạn từ nút giao đến nghĩa trang				Đã đầu tư	Bổ sung thêm các vị trí vào

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
	Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường nhánh từ đường phố chính có mặt đường rộng từ 3m trở lên	1.000.000	800.000	600.000	xong hạ tầng	bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 2-II phường Phong Hải do có điều kiện tương đồng
	Các vị trí còn lại	600.000	480.000	360.000		
1.2	Đoạn từ nghĩa trang đến cổng cảng				Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung thêm các vị trí vào bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 2-II phường Phong Hải do có điều kiện tương đồng
	Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường nhánh từ đường phố chính có mặt đường rộng từ 3m trở lên	1.000.000	800.000	600.000		
	Các vị trí còn lại	600.000	480.000	360.000		
B. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)						
IV	PHƯỜNG CỘNG HÒA - ĐÔ THỊ LOẠI V					
1	Tên mới: Tuyến đường tỉnh 331 và tuyến đường nối đường tỉnh 331B và đường tỉnh 338					Tên cũ: Tuyến đường tỉnh 331 Lý do điều chỉnh: Do sau khi hoàn thiện tuyến đường nối đường tỉnh 331B và đường tỉnh 338, một số hộ dân trước đây là vị trí 2 của tuyến đường tỉnh 331 nay bám trục đường nối đường tỉnh 331B và đường tỉnh 338

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG; ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
1.1.1	Tên mới: Đoạn từ cầu Kim Lăng đến giáp trụ sở UBND phường (bao gồm các hộ bám đường nối đường tỉnh 331B và đường tỉnh 338)					Tên cũ: Đoạn từ cầu Kim Lăng đến giáp trụ sở UBND phường Lý do điều chỉnh: Do hoàn thiện tuyến đường nối đường tỉnh 331B và đường tỉnh 338
C. ĐIỀU CHỈNH BỔ TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	PHƯỜNG QUẢNG YÊN - ĐÔ THỊ LOẠI IV					
25	Đường Quỳnh Lâu (Từ giáp phố Lê Quý Đôn đến hết địa phận phường Quảng Yên)					Điều chỉnh bổ do sau khi hoàn thành 02 tuyến đường: (1) Đường tỉnh 331B nối với đường tỉnh 338, (2) Đường từ nút giao Chợ Rộc đến nút giao Phong Hải, thi đường Quỳnh Lâu, khu dân cư phố Bãi và khu dân cư Núi Dinh bám 02 tuyến đường này.
	Thửa đất bám mặt đường phố chính (vị trí 1)	2.000.000	1.600.000	1.200.000		
	Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường nhánh từ đường phố chính có mặt đường rộng từ 3m trở lên	1.200.000	960.000	720.000		
	Thửa đất liền kề sau vị trí 2 (vị trí 3) hoặc vị trí 1 có lối đi rộng từ 2m đến nhỏ hơn 3m	800.000	640.000	480.000		
	Các vị trí còn lại	350.000	280.000	210.000		
26	Khu dân cư phố Bãi, Núi Dinh					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
26.1	Khu dân cư phố Bãi					
	Thửa đất bám mặt đường phố chính (vị trí 1)	600.000	480.000	360.000		
	Các vị trí còn lại	300.000	240.000	180.000		
26.2	Khu dân cư Núi Dinh					
	Thửa đất bám mặt đường phố chính (vị trí 1)	680.000	544.000	408.000		
	Các vị trí còn lại	300.000	240.000	180.000		

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TÀNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
A. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)						
IV	XÃ TIỀN PHONG (XÃ ĐỒNG BẰNG)					
I	Tuyến đường trục thị xã: Đoạn từ giáp Kênh Chính (giao Liên Hòa - Liên Vị - Tiền Phong) đến chân đê					
2	Tên mới: Đoạn từ cầu Tiền Phong đến chân đê xóm 4 (xóm 3, 4) và Đoạn từ chân đê xóm 4 đến hết đường 338					- Tên cũ: Đoạn từ cầu Tiền Phong đến chân đê xóm 4 (xóm 3, 4) - Lý do điều chỉnh: hoàn thiện đường nối từ nút giao Phong Hải đến KCN Nam Tiền Phong.
II	Trục đường xã:					
4	Đoạn từ cầu Tiền Phong đến cổng xiếc và hết thôn 1 + thôn 2					
	Tên mới: Thửa đất bám mặt đường chính (vị trí 1) và thửa đất bám mặt đường rộng từ hơn 3m trở lên	800.000	640.000	480.000		- Tên cũ: Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường trong đó có mặt đường rộng từ hơn 3m trở

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
						lên - Lý do điều chỉnh: Lỗi đánh máy (2 mục đều là vị trí 2)
	Tên mới: Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất có lối đi rộng từ 2m đến nhỏ hơn 3m	400.000	320.000	240.000		- Tên cũ: Thửa đất liền kề sau vị trí 1 (vị trí 2) và thửa đất bám mặt đường có mặt đường rộng từ hơn 3m trở lên - Lý do điều chỉnh: Lỗi đánh máy (2 mục đều là vị trí 2)
V	XÃ TIỀN AN (XÃ TRUNG DU)					
III	Đường trục thôn, liên thôn					
4	Tên mới: Đường từ nhà ông Phạm Văn Đạt đến nhà ông Trần Quang Minh và các tuyến đường nhánh còn lại xóm Cây Sầm					- Tên cũ: Đường từ nhà ông Phạm Văn Đạt đến nhà ông Trần Quang Minh (xóm cây Sầm) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế
5.1	Tên mới: Đoạn từ Nhà Văn hóa Cây Sầm đến nhà ông Đàm Quang Thuyết					- Tên cũ: Đoạn từ Nhà Văn hóa Cây Sầm đến nhà ông Đặng Xuân Bộ - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
8.2	Tên mới: Đoạn từ nhà bà Tâm đến nhà bà Vũ Thị Lợi và ông Nguyễn Văn Bắc và các tuyến đường nhánh còn lại thôn Đình					- Tên cũ: Đoạn từ nhà bà Tâm đến nhà bà Vũ Thị Lợi và ông Nguyễn Văn Bắc - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế
16	Tên mới: Đường từ nhà ông Đàm Quang Lực và ông Ngô Tiến Yên đến hết nhà ông Đoàn Quang Hạ và các tuyến đường nhánh còn lại thôn Núi Thành					- Tên cũ: Đường từ nhà ông Đàm Quang Lực và ông Ngô Tiến Yên đến hết nhà ông Đàm Quang Nam (thôn Núi Thành) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế
19.1	Tên mới: Đường từ cổng chào xóm Bãi 4 (đường trục chính) đến hết nhà ông Đàm Quang Hắc và ông Bùi Văn Lý và đến giáp phường Hà An.					- Tên cũ: Đường từ cổng chào xóm Bãi 4 (đường trục chính) đến hết nhà ông Đàm Quang Hắc và ông Bùi Văn Lý - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp với thực tế

8. HUYỆN BÌNH LIÊU (ĐÔ THỊ LOẠI V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN BÌNH LIÊU

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
55	Các ô đất thuộc Hạ tầng kỹ thuật khu Bình Công I, thị trấn Bình Liêu	4.550.000	3.640.000	2.730.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
56	Các ô đất thuộc Khu quy hoạch san nền, hạ tầng kỹ thuật khu dân cư khu Bình Công II, thị trấn Bình Liêu	4.000.000	3.200.000	2.400.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	XÃ HOÀNH MÔ					
3	Các ô đất thuộc Khu quy hoạch dân cư tự xây khu kinh tế cửa khẩu Hoàn Mô, thôn Cửa Khẩu (gồm lô OM 16, lô OM17, lô OM18, lô OH4, lô OH5)	5.040.000	4.040.000	3.030.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
VI	XÃ VÔ NGẠI					
VII	XÃ HÚC ĐỘNG					
3	Các ô đất thuộc Khu tái định cư hạ tầng kỹ thuật di dời các hộ dân trong khu vực thác Khe Vằn					
3.1	Các ô đất tiếp giáp trực đường vào thác Khe Vằn	650.000	520.000	390.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 1.1 xã Húc Động do có điều kiện tương đồng

10. HUYỆN HẢI HÀ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN QUẢNG HÀ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
53	Khu dân cư phố Phan Đình Phùng				Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyên nhượng thị trường
53.1	Các ô quay hướng giáp với mặt đường công vụ và đoạn đường từ nhà ông bà Sùng Hinh đến Cầu mới: LK03A (1-12A); LK05 (1-15); LK12 (1-7); LK12A (1-20); LK12B (1-8)	18.070.000	14.460.000	10.850.000		
53.2	Các ô giáp đường 15 m: LK 12A (21-32); LK 12B (9-21)	10.640.000	8.520.000	6.390.000		
53.3	Các ô giáp mặt đường 11 m: LK12 (8-1 1); KL09 (1-9); LK10 (1-8); LK11 (1-12); LK08 (1-8); LK07 (1-8); LK06 (1-12); LK05 (27-30)	9.000.000	7.200.000	5.400.000		
53.4	Các lô biệt tự đối diện, giáp ô CX2; CX1: BT01 (6-8); BT02 (2-9); BT03A (1-8)	7.840.000	6.280.000	4.710.000		
53.5	Các ô biệt thự còn lại: BT01 (1-5 và 9-15); BT02 (1); BT03 (1-3)	7.580.000	6.070.000	4.550.000		

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
53.6	Các ô giáp đường Lâm Nghiệp: LK 01 (1-8); LK 02 (1-5); LK 03 (8-17); LK 03A (12B-17)	11.270.000	9.020.000	6.770.000		
53.7	Các ô còn lại giáp đường 7m	7.610.000	6.090.000	4.570.000		
54	Khu dân cư cải tạo chỉnh trang ký hiệu ĐDC1 và ĐDC2 thuộc ranh giới dự án khu dân cư phố Phan Đình Phùng					
54.1	Đất bám đường Lâm Nghiệp (khu ĐDC1)	11.270.000	9.020.000	6.770.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
54.2	Đất bám đường rộng 7 m (thuộc khu ĐDC1 và ĐDC2)	7.610.000	6.090.000	4.570.000		
54.3	Các vị trí còn lại (thuộc khu ĐDC1 và ĐDC2)	4.990.000	4.000.000	3.000.000		
55	Khu tái định cư phía nam đường Lâm Nghiệp					
55.1	Các ô giáp đường Lâm Nghiệp	6.260.000	5.010.000	3.760.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
55.2	Các ô còn lại giáp đường 7m	5.240.000	4.200.000	3.150.000		
56	Khu tái định cư TDC3, TDC4, TDC5, TDC6, TDC7 thuộc khu quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở công nhân và khu đô thị phụ trợ phục vụ triển khai đầu tư xây dựng KCN Texhong Hải Hà, giai đoạn 1, huyện Hải Hà				Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
56.1	Các ô thường tám đường nội bộ trong quy hoạch tái định cư) gồm: các ô từ ô 1 đến ô 80 - Lô TDC3; các ô từ 22 đến ô 42 - Lô TDC4; các từ ô 22 đến ô 40 - Lô TDC5; các ô từ ô 1 đến ô 44 - Lô TDC6; các ô từ ô 1 đến ô 41- Lô TDC7.	4.060.000	3.250.000	2.440.000		
56.2	Các ô tám đường công vụ, gồm: Từ ô 1 đến ô 21 - Lô TDC4; các ô từ ô 1 đến ô 21 - Lô TDC5.	4.500.000	3.600.000	2.700.000		
B. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)						
4.8	Tên mới: Đất dân cư khu vực phố Phan Đình Phùng, phố Hoàng Hoa Thám (trừ các hộ thuộc dự án Khu dân cư phố Phan Đình Phùng)	800.000	640.000	480.000		- Tên cũ: Đất dân cư khu vực phố Phan Đình Phùng, phố Hoàng Hoa Thám (trừ các hộ tám đường lâm nghiệp) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp thực tế

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
4.9	Tên mới: Từ giáp nhà ông Ngô Song Toàn tám đường lâm nghiệp đến giáp ranh giới dự án Khu dân cư phố Phan Đình Phùng	1.310.000	1.048.000	786.000		- Tên cũ: Từ giáp nhà ông Ngô Song Toàn tám đường lâm nghiệp đến giáp xã Phú Hải cũ (nay thuộc thị trấn) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp thực tế
8	Tên mới: Đất tám đường từ 18A vào khu công nghiệp cảng biển Hải Hà (Đường công vụ) trừ các hộ thuộc dự án Khu dân cư phố Phan Đình Phùng	2.000.000	1.600.000	1.200.000		- Tên cũ: Đất tám đường từ 18A vào khu công nghiệp cảng biển Hải Hà thuộc phạm vi thị trấn khi chưa sáp nhập (Đường công vụ) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp thực tế
14	Tên mới: Từ giáp nhà ông Tiến Liên ngã 4 Quảng trung cũ đến giáp ranh giới dự án khu TĐC phía nam đường Lâm Nghiệp	1.100.000	880.000	660.000		- Tên cũ: Từ giáp nhà ông Tiến Liên ngã 4 Quảng trung cũ đến giáp xã Phú Hải cũ (nay thuộc thị trấn) (theo đường lâm nghiệp) - Lý do điều chỉnh: Để phù hợp thực tế

74

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
VII	XÃ QUẢNG PHONG (XÃ MIỀN NÚI)					
11	Khu dân cư, tái định cư xã Quảng Phong - giai đoạn 1 (2,5 ha)				Đã đầu tư xong hạ tầng	Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thị trường
11.1	Các ô TĐC hai mặt tiền	1.820.000	1.460.000	1.100.000		
11.2	Các ô TĐC một mặt tiền	1.660.000	1.330.000	1.000.000		

11. HUYỆN ĐÀM HÀ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN ĐÀM HÀ

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
8.10	Đất bám đường đoạn từ Trường Hương nghiệp thường xuyên đến nhà ông Phan Văn Hồng, phố Trần Phú	1.300.000	1.040.000	780.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bảng Mục 8.8 thị trấn Đàm Hà do có điều kiện tương đồng

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

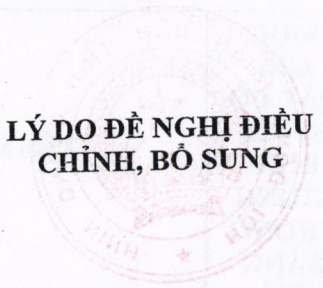
MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
II	XÃ QUẢNG AN (XÃ MIỀN NÚI)					
31	Từ nhà ông Hiến đến đường rẽ vào xóm đá thôn Thìn Thủ	260.000	210.000	160.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 3 xã Quảng An do có điều kiện tương đồng
32	Đất bám đường bê tông nội thôn các thôn Hải An, Đông Thành, Thìn thủ, An Sơn, Làng Ngang có mặt đường rộng 3m-3,5m	130.000	110.000	80.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 11 xã Quảng An do có điều kiện tương đồng
33	Đất bám đường bê tông nội thôn các thôn Hải An, Đông Thành, Thìn thủ, An Sơn, Làng Ngang có mặt đường rộng 3m-3,5m	110.000	90.000	70.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 23 xã Quảng An do có điều kiện tương đồng
34	Đất bám đường bê tông nội thôn các thôn Hải An, Đông Thành, Thìn thủ, An Sơn, Làng Ngang có mặt đường rộng 3m-3,5m	100.000	80.000	60.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 19 xã Quảng An do có điều kiện tương đồng
VII	XÃ DỤC YÊN (XÃ MIỀN NÚI)					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
16	Từ nhà ông Đỗ Đức Bộ cầu Khe Mẩn đến ngã ba khu tái định cư thôn Yên Sơn	200.000	160.000	120.000	Đã đầu tư xong hạ tầng	Bổ sung bảng giá theo quy định. Mức giá đề xuất bằng Mục 13 xã Dục Yên do có điều kiện tương đương

B. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)

I	XÃ QUẢNG LÂM (XÃ MIỀN NÚT)					
4	Tên mới: Xung quanh ngã tư nhà Phún Sáng Hiềng cách 200m về phía Thanh Bình, Siềng Lồng, Lòng Hồ Đàm Hà Động	200.000	160.000	120.000		- Tên cũ: Xung quanh ngã tư nhà Phún Sáng Hiềng cách 200m về phía Bình Hồ, Siềng Lồng, Lòng Hồ Đàm Hà Động. - Lý do điều chỉnh: Sáp nhập thôn, bản
5	Tên mới: Từ bảng tin bản Thanh Lâm đến ngầm bản Tài Lý Sáy (giáp chợ Quảng Lâm)	200.000	160.000	120.000		- Tên cũ: Từ bảng tin thôn Mào Liềng đến ngầm thôn Tài Lý Sáy (giáp chợ Quảng Lâm). - Lý do điều chỉnh: Sáp nhập thôn, bản
6	Tên mới: Đường rẽ vào nhà Tằng Sếnh đến ngầm Thanh Bình II	180.000	140.000	110.000		- Tên cũ: Đường rẽ vào nhà Tằng Sếnh đến ngầm Bình Hồ II, Thanh Y. - Lý do điều chỉnh: Sáp

MỤC GIÁ ĐẤT BỒ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỒ SUNG
						nhập thôn, bản
8	Tên mới: Từ ngầm Thanh Bình I đến đường rẽ vào nhà Tầng Sính	120.000	100.000	70.000		- Tên cũ: Từ ngầm Bình Hồ I đến đường rẽ vào nhà Tầng Sính. - Lý do điều chỉnh: Sáp nhập thôn, bản
9	Tên mới: Từ giáp ngầm Thanh Bình II đến hết cầu treo	120.000	100.000	70.000		- Tên cũ: Từ giáp ngầm Bình Hồ II, Thanh Y đến hết cầu treo Thanh Y. - Lý do điều chỉnh: Sáp nhập thôn, bản
II	XÃ QUẢNG AN (XÃ MIỀN NÚI)					
1	Tên mới: Từ cầu ngầm giáp xã Quảng Tân đến nhà bà Hoàn	330.000	260.000	200.000		- Tên cũ: Đường trục xã từ nhà ông Vũ đến nhà ông Đản thôn Hải An. - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	 LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
2	Tên mới: Từ nhà bà Hoàn đến nhà ông Tựu	260.000	210.000	160.000		- Tên cũ: Từ giáp nhà ông Vũ đến nhà ông Nghị thôn Đông Thành. - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế
3	Tên mới: Từ nhà ông Tựu đến nhà ông Hiến	260.000	210.000	160.000		- Tên cũ: Từ giáp nhà ông Nghị đến nhà ông Hiến thôn Đông Thành. - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế
7	Tên mới: Từ ngàm Lý A Coong đến nhà Lý A Sênh đường rẽ sang Nà Cáng	260.000	210.000	160.000		- Tên cũ: Đường bê tông từ nhà Sôi Hềnh đến nhà Lý A Sênh (đường rẽ Nà Cáng) - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế
14	Tên mới: Ngã tư thôn Đông Thành từ nhà ông Khoẻ đến giáp xã Quảng Tân (Quảng Lợi cũ)	240.000	190.000	140.000		- Tên cũ: Ngã tư thôn Đông Thành từ nhà ông Khoẻ đến nhà ông Đắc - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
18	Tên mới: Đường rẽ từ nhà Trần Quốc Thanh đến nhà ông Chắt thôn Thìn Thủ	120.000	100.000	70.000		- Tên cũ: Đường rẽ khu nhà ông Chắt đến nhà ông Tuấn thôn Thìn Thủ. - Lý do điều chỉnh: Phù hợp với hiện trạng và thực tế
23	Tên mới: Khu xen cư các thôn Hải An, Đông Thành, Thìn thủ, An Sơn, Làng Ngang (Đường đất hoặc mặt đường bê tông nhỏ hơn 2,5m)	110.000	90.000	70.000		- Tên cũ: Khu xen cư các thôn Hải An, Đông Thành, Thìn thủ, An Sơn, Làng Ngang - Lý do điều chỉnh: Để phân biệt với các đoạn đường rộng 3m-3,5m đề xuất bổ sung bên trên
24	Tên mới: Khu xen cư các thôn Nà Cánh, Nà Thông, Tán Trúc Tùng, Nà Pá, Tầm Làng, Mào Sán Cẩu (Đường đất hoặc mặt đường bê tông nhỏ hơn 2,5m)	95.000	80.000	60.000		- Tên cũ: Khu xen cư các thôn Nà Cánh, Nà Thông, Tán Trúc Tùng, Nà Pá, Tầm Làng, Mào Sán Cẩu - Lý do điều chỉnh: Để phân biệt với các đoạn đường rộng 3m-3,5m đề xuất bổ sung bên trên
IV	XÃ TÂN LẬP (XÃ MIỀN NÚI)					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ		GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
23	Tên mới: Từ ranh giới xã Đại Bình và xã Tân Lập (đoạn đường Việt Úc mới) đến khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao Việt Úc	140.000	110.000	80.000		- Tên cũ: Đoạn từ ngã ba nhà ông Tô Văn Cư đến khu nuôi tôm thương phẩm công nghệ cao Việt Úc. - Lý do điều chỉnh: Kéo dài thêm khu vực nâng cấp nối Quốc lộ 18A

12. HUYỆN VÂN ĐỒN (ĐÔ THỊ LOẠI IV - V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ (THỊ TRẤN CÁI RỒNG - ĐÔ THỊ LOẠI IV)

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	KHU 1					
1.3.1	Các thửa đất thuộc đường nhánh của Đường nối tỉnh lộ 334 với dự án khu dân cư ven biển thị trấn Cái Rồng	9.000.000	7.200.000	5.400.000	Hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thiện	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
1.6	Vị trí các thửa đất bám tuyến cống số 4	3.200.000	2.560.000	1.920.000	Hạ tầng tuyến cống đã hoàn thiện đường bê tông	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
II	KHU 2					
2.9	Đoạn từ ao nhà ông Bùi Văn Lộc (thửa 26, tờ 36) đến nhà ông Trọng Sinh (thửa 50, tờ 36)	9.000.000	7.200.000	5.400.000	Hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thiện	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
2.10	Khu đất ao nhà ông Đỗ Văn Chu	9.000.000	7.200.000	5.400.000	Hạ tầng kỹ thuật	- Bổ sung Bảng giá theo quy định

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	(thửa 17, tờ BĐ 35) đến nhà ông Phạm Văn Séc (thửa đất số 19, tờ bản đồ ô 35)				thuật đã hoàn thiện	- Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
2.11	Các thửa đất thuộc đường nhánh của Đường nối tỉnh lộ 334 với dự án khu dân cư ven biển thị trấn Cái Rồng	9.000.000	7.200.000	5.400.000	Hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thiện	- Bổ sung Bảng giá theo quy định để thực hiện các thủ tục về đất đai cho các hộ dân có đất ở hiện trạng nay bám đường nhánh của đường đầu nối từ tỉnh lộ 334 dự án khu dân cư ven biển thị trấn Cái Rồng đã được đầu tư xây dựng hạ tầng đường rộng 5,5m đến 7,5m. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
V	KHU 5					
5.15	Đường vào nhà văn hóa khu 5 (từ thửa 186 tờ bản đồ số 18 đến thửa 123, tờ bản đồ số 15 (nhà ông Hà Trọng Tân)	10.000.000	8.000.000	6.000.000	Đã đầu tư hạ tầng kỹ thuật	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
5.16	Từ nhà ông Trần Văn Can (thửa 45, tờ 15) đến giáp nhà bà Lê Thị Chung (thửa số 142, tờ 15)	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Vương Long đã hoàn thiện	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
VIII	KHU 8					
8.10	Trục đường từ giáp thửa đất ông Châu Văn Xuân (thửa đất số 43, tờ bản đồ số 26) đến nhà bà Lý Thị Oanh (thửa 94, tờ bản đồ số 33)	6.500.000	5.200.000	3.900.000	Người dân tự đầu tư đường bê tông	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
IX	KHU 9					
9.9	Đoạn HT 02 thuộc quy hoạch Nam Sơn (từ nhà bà Nguyễn Thị Mừng đến nhà ông Đình Công Sức)	6.000.000	4.800.000	3.600.000	Đường đất rộng trên 3m	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
XVI	KHU TỔ HỢP DU LỊCH NGHỈ DƯỠNG SONASEA VÂN ĐỒN HARBOR CITY					
16.4	Các ô đất dịch vụ giáp trục đường 10,5m	9.500.000	7.600.000	5.700.000	Hạ tầng kỹ thuật đã hoàn thiện	- Khu đất đã được giao đất, đã đầu tư xong hạ tầng kỹ thuật, chưa có quy định trong bảng giá đất. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
16.5	Các ô đất dịch vụ giáp trục đường 18m	13.000.000	10.400.000	7.800.000		
16.6	Các ô đất dịch vụ giáp trục đường thông ra biển 10m	9.500.000	7.600.000	5.700.000		
16.7	Các ô đất dịch vụ giáp trục đường	6.500.000	5.200.000	3.900.000		

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
	thông ra biển 5m					

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
A. BỎ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
I	XÃ HẠ LONG (XÃ TRUNG DU)					
1	Thôn 1					
1.10	Đất còn lại của thôn 1	1.350.000	1.080.000	810.000	Hạ tầng kỹ thuật hiện trạng khu dân cư đã hoàn	- Bỏ sung Bảng giá theo quy định - Mức giá đề xuất bằng Mục 2.5 xã Hạ Long do có điều kiện tương đồng

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
					thiện	
5	Thôn 5					
5.3	Các thửa giáp mặt đường Khu Tái định cư xã Hạ Long (Các ô đất ở tiếp giáp đường rộng 7,5m)	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Đã hoàn thành đấu nối giao thông và sử dụng hạ tầng kỹ thuật của dự án Khu Tái định cư xã Hạ Long	- Bổ sung Bảng giá theo quy định để thực hiện các thủ tục về đất đai cho các hộ dân có đất ở hiện trạng nay bám đường Khu tái định cư xã Hạ Long đã được đầu tư cơ sở hạ tầng - Mức giá đề xuất bằng Mục 16.1 xã Hạ Long do có điều kiện tương đồng
5.4	Đoạn từ giáp đường 334 đến dự án Tái định cư (Các ô đất ở tiếp giáp đường rộng 7,5m)	5.000.000	4.000.000	3.000.000		
6	Thôn 6					
6.7	Các thửa giáp mặt đường Khu Tái định cư xã Hạ Long (Các ô đất ở tiếp giáp đường rộng 7,5m)	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Đã hoàn thành đấu nối giao thông và sử dụng hạ tầng kỹ thuật của dự án Khu Tái định cư xã Hạ Long	- Bổ sung Bảng giá theo quy định - Mức giá đề xuất bằng Mục 16.1 xã Hạ Long do có điều kiện tương đồng
6.8	Đoạn từ giáp đường 334 đến dự án Tái định cư (Các ô đất ở tiếp giáp đường rộng 7,5m)	5.000.000	4.000.000	3.000.000		
17	Các hộ tiếp giáp trực đường 58m	9.500.000	7.600.000	5.700.000	Hạ tầng kỹ	- Bổ sung Bảng giá đất theo quy định

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
					thuật đường trực chính hoàn thiện	- Mức giá đề xuất bằng mức cao nhất của khung giá đất ở nông thôn, do tuyến đường đã hoàn thiện hạ tầng, vị trí giáp biển, thuận lợi để ở và kinh doanh
II	XÃ ĐÔNG XÁ (XÃ MIỀN NÚI)					
2	Thôn Đông Tiến					
2.7	Tuyến đường giáp KĐT mới xã Đông Xá: Từ giáp thôn Đông Thành đến giáp thửa đất tám tuyến đường 334 (Từ thửa đất số 90, tờ bản đồ địa chính số 39 đến giáp thửa đất số 164, tờ bản đồ địa chính số 44)	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với khu đô thị mới Đông Xá, đã hoàn thiện hạ tầng	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
3	Thôn Đông Thành					
3.8	Tuyến đường giáp KĐT mới xã Đông Xá: Từ giáp thửa đất tám đường 38m đầu nối khu đô thị Phương Đông đến giáp thôn Đông Tiến (Thửa đất số 138, tờ bản đồ địa chính số 34 đến hết thửa đất số 140 tờ bản đồ địa chính số 39)	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với khu đô thị mới Đông Xá, đã hoàn thiện hạ tầng	- Bổ sung bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
3.9	Các thửa đất tiếp giáp tuyến	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Hạ tầng kỹ	- Bổ sung bảng giá theo quy định.

MỤC GIÁ ĐẤT/BỘ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ổ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	đường quy hoạch rộng 7,0m hoặc 7,5m dự án Khu đô thị mới xã Đông Xá (Từ thửa đất số 2 tờ bản đồ địa chính số 35 đến hết thửa đất số 294, tờ bản đồ địa chính số 35)				thuật sử dụng chung với khu đô thị mới Đông Xá, đã hoàn thiện hạ tầng	- Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
8	Thôn Đông Thịnh					
8.7	Tuyến đường phía trước trường Tiểu học thị trấn Cái Rồng: Từ giáp thị trấn Cái Rồng đến hết nhà ông Nguyễn Văn Nguyên (từ thửa đất số 198, tờ bản đồ địa chính số 24 đến hết thửa đất số 253, tờ bản đồ địa chính số 24)	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với tuyến đường vào trường tiểu học mới được hoàn thiện	- Bổ sung bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
IV	XÃ BÌNH DÂN (XÃ MIỀN NÚI)					
3	Thôn Đồng Đá					
3.4	Đường thôn: Từ giáp ngã ba Đồng Đá đến tiếp giáp đê - Bám hai bên đường: Từ tiếp giáp thửa đất số 69 tờ bản đồ 25 đến thửa số 156 tờ	1.000.000	800.000	600.000	Hạ tầng kỹ thuật mới được đầu tư chỉnh trang	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	bản đồ số 24					
VI	XÃ ĐOÀN KẾT (XÃ MIỀN NÚI)					
2	Thôn Khe Mai					
2.9	Vị trí từ nhà bà Tô Thị Bình (Thửa 253 tờ 11) đến nhà bà Tạ Thị Cánh (Thửa 78 tờ 03)	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Vị trí đã được đầu tư hạ tầng, đường 3m của dự án Đường gom	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
2.10	Các thửa đất từ Vòng Xuyên Sân bay đến nhà ông Hoàng Văn Tiến cũ (Thửa 79 tờ 03)	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Vị trí đã được đầu tư hạ tầng, đường 3m của dự án Đường gom	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư, khu hành chính phục vụ GMPB Cảng hàng không Quảng Ninh tại xã Đoàn Kết, huyện Vân Đồn					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
5.4	Các ô đất ở tiếp giáp đường quy hoạch rộng 5,5m	4.000.000	3.200.000	2.400.000	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đã hoàn thiện	- Bổ sung bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất bằng Mục 5.1 xã Đoàn Kết do có điều kiện tương đồng.
5.5	Trục đường: Từ thửa 43 tờ bản đồ số 39 đến giáp thửa số 72 tờ bản đồ số 39 (tiếp giáp đường quy hoạch rộng 7,5 m)	4.000.000	3.200.000	2.400.000		
5.6	Trục đường: Từ thửa 72 tờ bản đồ số 39 đến thửa 85 tờ bản đồ số 39 (tiếp giáp đường rộng 10,5 m)	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư đã hoàn thiện	- Bổ sung bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất bằng Mục 5.2 xã Đoàn Kết do có điều kiện tương đồng.
XI	XÃ MINH CHÂU (XÃ MIỀN NÚI)					
1	THÔN NINH HẢI					
1.7	Các hộ bám mặt đường bê tông rộng 5m khu đầu tư HTKT Khu dân cư thôn Ninh Hải	9.000.000	7.200.000	5.400.000	Hạ tầng khu dân cư đã hoàn thiện	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
B	ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT					
I	XÃ HẠ LONG (XÃ TRUNG					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	DU)					
8	Thôn 8					
8.2	Tên mới: Trục đường liên thôn - bám hai mặt đường: Từ giáp đường 334 đến thửa 152 tờ bản đồ 66	4.000.000	3.200.000	2.400.000		- Tên cũ: Trục đường liên thôn - bám hai bên mặt đường: Từ giáp đường 334 đến nhà ông Quay - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường do tuyến đường trục chính mới đầu tư cắt ngang đoạn đường cũ (giữ nguyên mức giá)
II	XÃ ĐÔNG XÁ (XÃ MIỀN NÚI)					
3	Thôn Đông Thành					
3.4	Trục đường thôn: Từ nhà ông Na Oai đến hết khu dân cư (hai bên mặt đường)	4.200.000	3.360.000	2.520.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.200.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
4	Thôn Đông Hải					
4.3	Trục đường thôn - bám hai bên mặt đường: Từ nhà ông Sinh Voòng đến hết khu dân cư	4.200.000	3.360.000	2.520.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa,	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là:

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
					hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	3.000.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
4.4	Trục đường thôn: Từ nhà ông Chiến Lồng đến giáp xí nghiệp mắm	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.800.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
5	Thôn Đông Trung					
5.2	Trục đường thôn: Từ nhà bà Duyên đến Xí nghiệp mắm	5.000.000	4.000.000	3.000.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.800.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
6	Thôn Đông Hợp					
6.3	Trục đường thôn: Từ nhà ông Liên Long đến hết nhà ông Lâm	4.700.000	3.760.000	2.820.000	Tuyến đường đã được trải	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	Lựu (phía thôn Đông Hợp)				thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.500.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
8	Thôn Đông Thịnh					
8.3	Trục đường thôn: Từ nhà ông Giang đến hết nhà ông Giang Hùng (phía thôn Đông Thịnh)	6.500.000	5.200.000	3.900.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.500.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
10	Thôn Đông Thắng					
10.1	Trục đường thôn - bóm hai bên mặt đường: Từ nhà ông Đặng Sơn đến giáp biển	6.000.000	4.800.000	3.600.000	Tuyến đường đã được trải thảm nhựa, hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện	- Điều chỉnh tăng mức giá đất do hạ tầng kỹ thuật tuyến đường mới được đầu tư xây dựng, nâng cấp (mức giá đất ở cũ là: 3.000.000 đồng/m ²) - Mức giá đề xuất trên cơ sở so sánh trực tiếp từ 03 thông tin chuyển nhượng thành công trên thị trường
IV	XÃ BÌNH DÂN (XÃ MIỀN					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
	NÚT)					
1	Thôn Đầm Tròn					
1.1	Tên mới: Đường nhánh 334: Từ giáp xã Đoàn Kết đến đường vào ngã ba Khe Bông - bám mặt đường: Từ thửa đất số 94 tờ bản đồ địa chính số 46 đến thửa đất số 479 tờ bản đồ địa chính số 34	1.600.000	1.280.000	960.000		- Tên cũ: Đường nhánh 334: Từ giáp xã Đoàn Kết đến đường vào ngã ba Khe Bông - bám mặt đường: Từ thửa đất số 94 tờ bản đồ địa chính số 46 đến thửa đất số 353 tờ bản đồ địa chính số 54 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2	Thôn Vòng Tre					
2.1	Tên mới: Đường nhánh 334: Từ giáp ngã ba Khe Bông đến giáp xã Đài Xuyên - Bám mặt đường: Từ thửa đất số 363 tờ bản đồ địa chính số 34 đến thửa đất số 08 tờ bản đồ địa chính số 27	2.000.000	1.600.000	1.200.000		- Tên cũ: Đường nhánh 334: Từ giáp ngã ba Khe Bông đến giáp xã Đài Xuyên - bám mặt đường: Từ thửa đất số 353 tờ bản đồ địa chính số 34 đến thửa đất số 08 tờ bản đồ số 27 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2.2	Tên mới: Đường thôn: Từ giáp Sân chơi Trẻ em xã đến nhà bà Sinh Cam - bám mặt đường nối	1.400.000	1.120.000	840.000		- Tên cũ: Đường thôn: Từ giáp Sân chơi Trẻ em xã đến hết nhà bà Sinh Cam - bám mặt đường nối đường trục chính: Từ thửa đất số

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	đường trục chính: Từ thửa đất số 42 tờ bản đồ địa chính số 35 đến thửa đất số 143 tờ bản đồ địa chính số 26					42 tờ bản đồ địa chính số 35 đến thửa đất số 278 tờ bản đồ địa chính số 26 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2.3	Tên mới: Từ giáp nhà Hưng Mai đến nhà bà Thạo - tám hai bên mặt đường: Từ tiếp giáp thửa đất số 353 tờ bản đồ địa chính số 34 đến thửa đất số 377 tờ bản đồ địa chính số 33	1.300.000	1.040.000	780.000		- Tên cũ: Từ giáp nhà Hưng Mai đến nhà bà Thạo - tám hai bên mặt đường: Từ thửa đất số 353 tờ bản đồ địa chính số 34 đến thửa đất số 377 tờ bản đồ địa chính số 33 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
3	Thôn Đồng Đá					
3.1	Tên mới: Từ giáp nhà bà Sinh Cam đến hết nhà ông Nông Văn Chi - tám mặt đường: Từ tiếp giáp thửa đất số 143 tờ bản đồ địa chính số 26 đến thửa đất số 18 tờ bản đồ địa chính số 22	1.200.000	960.000	720.000		- Tên cũ: Đường thôn: Từ giáp nhà bà Sinh Cam đến hết nhà ông Trần Chiu - tám mặt đường: Từ thửa đất số 278 tờ bản đồ địa chính số 26 đến thửa đất số 80 tờ bản đồ địa chính số 23 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4	Thôn Đồng Cống					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
4.1	Tên mới: Đường bê tông thôn: Bám mặt đường thôn: Từ tiếp giáp thôn Đồng Đá đến thửa đất số 706 tờ bản đồ số 06	1.000.000	800.000	600.000		- Tên cũ: Đường bê tông thôn: Bám mặt đường thôn - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4.2	Tên mới: Đường thôn: Từ tiếp giáp nhà ông Tạ Văn Dưỡng (Gầm) đến nhà ông Trần Văn Cứu - Bám mặt đường : Từ thửa đất số 706 tờ bản đồ địa chính số 06 đến thửa đất số 136 tờ bản đồ địa chính số 05	900.000	720.000	540.000		- Tên cũ: Đường thôn: Từ nhà ông Tạ Văn Dưỡng (Gầm) đến nhà Hùng Loan - Bám mặt đường : Từ thửa đất số 706 tờ bản đồ địa chính số 06 đến thửa đất số 160 tờ bản đồ địa chính số 05 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4.3	Tên mới: Từ ngã ba nhà bà Liêu Thị Liên đến nhà ông Trần Văn Dưỡng (Cam) - Bám hai bên đường: Từ tiếp giáp thửa đất số 564 tờ bản đồ địa chính số 06 đến thửa đất số 28 tờ bản đồ địa chính số 05	900.000	720.000	540.000		- Tên cũ: Từ ngã ba nhà bà Liêu Thị Liên đến nhà ông Trần Văn Dưỡng (Cam) - Bám hai bên đường: Từ thửa đất số 564 tờ bản đồ địa chính số 06 đến thửa đất số 28 tờ bản đồ địa chính số 05 - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
VIII	XÃ NGỌC VÙNG (XÃ MIỀN					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
	NÚI)					
2	Thôn Bình Hải					
2.2	Tên mới: Đường liên thôn - Bám mặt đường: Từ thửa đất số 03 tờ bản đồ số 09 đến thửa đất số 16a tờ bản đồ số 11	1.200.000	960.000	720.000		- Tên cũ: Đường liên thôn - bám mặt đường: Từ nhà ông Hiên đến nhà ông Bài (từ thửa đất số 02 tờ bản đồ số 09 đến thửa đất số 28 tờ bản đồ số 09) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
3	Thôn Bình Minh					
3.3	Tên mới: Đường liên thôn - Bám mặt đường: Từ giáp nhà ông Khương (thửa đất số 113 tờ bản đồ số 25) đến Hồ Ngọc Thủy (thửa đất số 01 tờ bản đồ số 23)	1.500.000	1.200.000	900.000		- Tên cũ: Đường liên thôn - bám mặt đường: Từ giáp nhà ông Khương đến hết nhà Cảnh Hà (từ giáp thửa đất số 113 tờ bản đồ số 25 đến thửa đất số 95 tờ bản đồ số 25) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
XI	XÃ MINH CHÂU (XÃ MIỀN NÚI)					
1	Thôn Ninh Hải (trục đường bê tông dọc đảo Vân Hải)					

MỤC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
1.1	Tên mới: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn - tám hai bên mặt đường: Từ thửa số 07 tờ BĐDC số 45 đến hết lô đất BT số 06 khu đầu tư HTKT khu dân cư thôn Ninh Hải	9.500.000	7.600.000	5.700.000		- Tên cũ: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn - tám hai bên mặt đường: Từ ngõ nhà ông Vương Văn Đương (thửa số 07 tờ BĐDC số 45) đến hết khu đầu tư HTKT khu dân cư thôn Ninh Hải - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
1.2	Tên mới: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn - tám hai bên mặt đường: Từ tiếp giáp lô đất BT số 06 khu đầu tư HTKT khu dân cư thôn Ninh Hải đến giáp thửa số 02 tờ BĐDC số 57 thôn Nam Hải	7.500.000	6.000.000	4.500.000		- Tên cũ: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn - tám hai bên mặt đường: Từ tiếp giáp khu đầu tư HTKT khu dân cư thôn Ninh Hải đến giáp nhà ông Hoàng thôn Nam Hải (thửa số 02 tờ BĐDC số 57) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
1.3	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường: Từ Cầu Cảng Cửa Đồi đến giáp thửa số 07 tờ BĐDC số 45	3.000.000	2.400.000	1.800.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường: Từ Cầu Cảng đến giáp ngõ nhà ông Vương Văn Đương (thửa số 07 tờ BĐDC số 45) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
1.4	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường: Từ giáp thửa số 06 tờ BĐDC số 46 đến giáp nhà văn hóa thôn Ninh Hải (thửa số 130 tờ BĐDC số 45)	6.000.000	4.800.000	3.600.000		- Tên cũ: Từ giáp khách sạn Đình Anh (thửa số 06 tờ BĐDC số 46) đến giáp nhà Văn hóa thôn Ninh Hải (giáp thửa số 130 tờ BĐDC số 45) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
1.5	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường: Từ nhà Văn hóa thôn Ninh Hải (giáp thửa số 130 tờ BĐDC số 45) đến hết thửa số 16 tờ BĐDC số 49 - giáp thôn Quang Trung (Cầu Bò Ngựa)	5.000.000	4.000.000	3.000.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường: Từ nhà Văn hóa thôn Ninh Hải (giáp thửa số 130 tờ BĐDC số 45) đến giáp thôn Quang Trung (Cầu Bò Ngựa) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2	Thôn Quang Trung					
2.1	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ thửa số 07 tờ BĐDC số 48 - khu Cầu Bò Ngựa đến hết thửa số 337 và thửa số 104 tờ BĐDC số 48	3.000.000	2.400.000	1.800.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp Cầu Bò Ngựa thôn Ninh Hải đến hết nhà ông Xám (thửa số 114 tờ BĐDC số 48) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
2.2	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp thửa số 104 tờ BĐDC số 48 đến hết thửa số 54 tờ BĐDC số 53	2.200.000	1.760.000	1.320.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp nhà ông Xám (giáp thửa số 114 tờ BĐDC số 48) đến hết nhà ông Trình (thửa số 55 tờ BĐDC số 53) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2.3	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp thửa số 337 tờ BĐDC số 48 đến giáp trạm y tế xã	1.400.000	1.120.000	840.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp nhà ông Xám (giáp thửa số 114 tờ BĐDC số 48) đến giáp Trạm y tế xã - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
2.4	Tên mới: Trục đường bê tông (đường xóm Na): Từ giáp thửa số 254 tờ BĐDC số 49 đến giáp thửa số 109 tờ BĐDC số 53 thôn Nam Hải	1.500.000	1.200.000	900.000		- Tên cũ: Trục đường bê tông (đường xóm Na): Từ giáp nhà ông Đề (giáp thửa số 254 tờ BĐDC số 49) đến giáp thôn Nam Hải - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
3	Thôn Tiên Hải (trục đường bê					

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỎ SUNG
	tông dọc đảo Vân Hải)					
3.1	Tên mới: Trục đường trường học Tiền Hải - Nam Hải: Từ giáp thửa số 28 tờ BĐDC số 48 đến hết thửa số 142 tờ BĐDC số 52 - giáp thôn Nam Hải	1.400.000	1.120.000	840.000		- Tên cũ: Trục đường trường học Tiền Hải - Nam Hải: Từ giáp nhà ông Quyết đến giáp thôn Nam Hải (giáp thửa số 28 tờ BĐDC số 48 đến hết thửa số 142 tờ BĐDC số 52) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
3.2	Tên mới: Hai bên mặt đường từ Trạm y tế đến hết thửa số 27 tờ BĐDC số 51 - bến công đồn	1.400.000	1.120.000	840.000		- Tên cũ: Hai bên mặt đường từ Trạm y tế đến hết nhà bà Mận (bến công đồn) (thửa số 18 tờ BĐDC số 51) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4	Thôn Nam Hải (trục đường bê tông dọc đảo Vân Hải)					
4.1	Tên mới: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp thửa số 54 tờ BĐDC số 53 đến hết thửa số 09 tờ BĐDC số 61 - giáp xã Quan Lạn	2.000.000	1.600.000	1.200.000		- Tên cũ: Các hộ tám hai bên mặt đường bê tông dọc đảo Vân Hải: Từ giáp nhà ông Trình (giáp thửa số 55 tờ BĐDC số 53) đến giáp xã Quan Lạn - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức

MỤC GIÁ ĐẤT/BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
						giá đất)
4.2	Tên mới: Trục đường bê tông: (Đường xóm Na) Từ giáp thôn Quang Trung thửa số 109 tờ BĐDC số 53 đến giáp thửa số 148 tờ BĐDC số 53	1.300.000	1.040.000	780.000		- Tên cũ: Trục đường bê tông: (Đường xóm Na) Từ giáp thôn Quang Trung đến giáp nhà ông Phần (giáp thửa số 148 tờ BĐDC số 53) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4.3	Tên mới: Bám mặt đường thôn từ thửa 169 tờ BĐDC số 52 đến giáp thửa số 02 tờ BĐDC số 57	1.500.000	1.200.000	900.000		- Tên cũ: Bám mặt đường thôn từ thửa 169 tờ BĐDC số 52 đến giáp nhà ông Hoàn (giáp thửa số 02 tờ BĐDC số 57) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
4.4	Tên mới: Bám mặt đường thôn từ giáp thửa số 177 tờ BĐDC số 53 đến giáp thửa số 95 tờ BĐDC số 56	1.500.000	1.200.000	900.000		- Tên cũ: Trục Đường thôn từ nhà bà Phiên (thửa số 178 tờ BĐDC số 53) đến giáp nhà bà Hoàng (giáp thửa số 100 tờ BĐDC số 56) - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
4.5	Tên mới: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn Từ thửa số 02 tờ BĐDC số 57 đến giáp xã Quan Lạn (bám hai bên mặt đường)	4.500.000	3.600.000	2.700.000		- Tên cũ: Đường xuyên đảo Minh Châu - Quan Lạn - bám hai bên mặt đường: Từ nhà ông Hoàn (thửa số 02 tờ BĐDC số 57) đến giáp xã Quan Lạn - Nay điều chỉnh lại tên cung đoạn đường cho phù hợp với hiện trạng (giữ nguyên mức giá đất)
C. ĐIỀU CHỈNH BỔ TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
IV	XÃ BÌNH DÂN (XÃ MIỀN NÚI)					
1	Thôn Đầm Tròn					
1.3	Tuyến từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn, Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - bám hai bên đường: Từ thửa đất số 85 tờ bản đồ số 46 đến thửa đất số 23 tờ bản đồ số 39	2.000.000	1.600.000	1.200.000		Điều chỉnh bỏ do đã nâng cấp đoạn đường lên thành đoạn đường cao tốc Vân Đồn - Móng Cái
3	Thôn Đồng Đá					
3.2	Tuyến từ Cảng hàng không Quảng Ninh đến khu phức hợp nghỉ dưỡng giải trí cao cấp Vân Đồn,	2.000.000	1.600.000	1.200.000		Điều chỉnh bỏ do đã nâng cấp đoạn đường lên thành đoạn đường cao tốc Vân Đồn -

MỤC GIÁ ĐẤT BỎ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	 TÊN ĐOÀN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
	Khu kinh tế Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh - tám hai bên đường: Từ thửa đất số 35 tờ bản đồ số 32 đến thửa đất số 70 tờ bản đồ số 19					Móng Cái
V	XÃ BẢN SEN (XÃ MIỀN NÚI)					
3	Thôn Bản Sen					
3.1	Đường bê tông xã - tám hai bên mặt đường: Từ nhà ông Nghinh đến giáp thôn Đồng Danh (từ thửa đất số 10 tờ BĐ số 68 đến thửa đất số 10 tờ BĐ số 66)	910.000	730.000	550.000		Do Thôn Bản Sen nay đã sáp nhập vào thôn Nà Sẩn
VI	XÃ ĐOÀN KẾT (XÃ MIỀN NÚI)					
1	Thôn Khe Ngải					
1.3	Đường Thôn: Từ nhà Bắc Ngải đến nhà ông Hà Văn Thắng cũ	2.500.000	2.000.000	1.500.000		Do không còn hiện trạng. Không còn phù hợp áp dụng thực tế do Tuyến đường đã được đầu tư xây dựng mới, có điều kiện vị trí hạ tầng tương đồng với khu tái định cư

13. HUYỆN CÔ TÔ (ĐÔ THỊ LOẠI V)

I. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI ĐÔ THỊ - THỊ TRẤN CÔ TÔ

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. BỔ SUNG TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ; MỨC GIÁ ĐẤT						
11	Tuyến đường khu di tích đồng Muối	7.000.000	5.600.000	4.200.000	Đang thực hiện đầu tư hạ tầng. Dự kiến xong trong năm 2022	- Bổ sung Bảng giá theo quy định. - Mức giá đề xuất bằng vị trí 2.1 thị trấn Cô Tô do có điều kiện tương đồng
B. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)						
3.2	Tên mới: Đường 23/3 đoạn từ tiếp giáp khuôn viên Ban chỉ huy quân sự đến hết trụ sở Ngân hàng Chính sách xã hội					- Tên cũ: Đường 23/3 đoạn từ tiếp giáp khuôn viên Ban chỉ huy quân sự đến hết trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện. - Lý do: Để phù hợp với hiện trạng tuyến đường

II. BẢNG GIÁ ĐẤT Ở, ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ, ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TẠI NÔNG THÔN

MỨC GIÁ ĐẤT BỔ SUNG, ĐIỀU CHỈNH TRONG BẢNG GIÁ	TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ	GIÁ ĐẤT Ở (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	GIÁ ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ (Đ/M ²)	THỰC TRẠNG ĐẦU TƯ HẠ TẦNG	LÝ DO ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG
A. ĐIỀU CHỈNH TÊN ĐOẠN ĐƯỜNG PHỐ, KHU DÂN CƯ (GIỮ NGUYÊN MỨC GIÁ)						
II	XÃ THANH LÂN					
1.1	Tên mới: Đường Bạch Đằng đoạn từ giáp cảng Thanh Lân đến đỉnh dốc đi thôn 1					- Tên cũ: Đường Bạch Đằng đoạn từ Trạm Y tế xã Thanh Lân đến đỉnh dốc đi thôn 1 - Lý do: Để phù hợp với hiện trạng tuyến đường